|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I** |
| **Năm học 2018 - 2019** | **MÔN: SINH HỌC 9** |
|  | *Thời gian làm bài: 45 phút* |

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra, đánh giá kiến thức của học sinh về: Các thí nghiệm của Men Đen, Nhiễm sắc thể, ADN và gen, Biến dị.

- Kiểm tra kiến thức của học sinh từ đó đánh giá lại chất lượng dạy và học nhằm rút kinh nghiệm trong việc dạy và học.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng làm bài kiểm tra.

- Rèn kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế..

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc trong kiểm tra thi cử.

**4. Phát triển năng lực:**

- Giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự lập, tự tin, trung thực, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. Ma trận:** Đính kèm trang sau.

**III. Đề kiểm tra:**  Đính kèm trang sau.

**IV. Đáp án + biểu điểm:** Đính kèm trang sau.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I SINH HỌC 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Chủ đề*** | ***Nhận biết*** | | ***Thông hiểu*** | | ***Vận dụng*** | | ***Vận dụng cao*** | | ***Tổng*** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| ***Chủ đề 1:***  ***Các thí nghiệm của MenĐen*** | Các thuật ngữ, khái niệm, tỉ lệ của phép lai MenĐen | |  | | Xác định kiểu gen trong phép lai 1 cặp tính trạng | |  | |  |
| 4  1 |  |  |  | 2  0,5 |  |  |  | 6  1,5đ |
| ***Chủ đề 2:***  ***Nhiễm sắc thể.*** | Sự biến đổi hình thái NST trong QT phân bào | | Xác định số lượngNST trong các kì của QT phân bào, ý nghĩa của biến đổi hình thái NST | | Tính số tế bào con và tổng số NST | |  | |  |
|  | 1  2 | 2  0,5 |  | 2  0,5 |  |  |  | 6  3,25đ |
| ***Chủ đề 3:***  ***ADN và Gen*** | Cấu tạo ADN, protêin | | So sánh giữa ADN và ARN; NTBS | | Vận dụng NTBS, tính chiều dài ADN | | Tính số Nu cung cấp cho QT nhân đôi gen | |  |
| 2  0,5 |  | 2  0,5 |  |  | 1  1,5 | 1  0,25 |  | 5  2,5đ |
| ***Chủ đề 4:***  ***Biến dị.*** | Nhận biết được các dạng đột biến | | Phân biệt đột biến gen và đột biến NST | |  | | Vận dụng kiến thức vào thực tế | |  |
|  | 2  0,5 |  | 2  0,5 | 1  1,5 |  |  | 1  0,25 |  | 6  2,75đ |
| ***Tổng*** | 9  4đ | | 7  3đ | | 5  2,5đ | | 2  0,5đ | | 23  10đ |
| ***Tỉ lệ*** | ***40%*** | | ***30%*** | | ***25%*** | | ***5%*** | | ***100%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 01** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút  *Ngày thi: 11/12/2018* |

**I. Trắc nghiệm: 5 điểm**

***Tô vào phiếu trả lời của em chữ cái đúng nhất***

**Câu 1:** Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là:

**A.** Kiểu gen **B.** Nhân tố di truyền **C.** Tính trạng **D.** Giống

**Câu 2:** Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng…(1)….cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng…(2)…. để kiểm tra…(3)……. của cơ thể mang tính trạng…(4)………

**A.** (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu hình; (4) lặn. **B.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu hình; (4) trội. **C.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu gen; (4) trội. **D.** (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu gen; (4) lặn.

**Câu 3:** Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của Menđen cho tỉ lệ kiểu hình ở F2là

**A.** 3 trội : 1 lặn. **B.** 1 trội : 1 lặn. **C.** 4 trội : 1 lặn. **D.** 2 trội : 1 lặn.

**Câu 4:** Phương pháp nghiên cứu của Menđen được gọi là

**A.** phương pháp lai phân tích.

**B.** phương pháp phân tích các thế hệ lai.

**C.** phương pháp tạp giao các cây đậu Hà Lan.

**D.** phương pháp tự thụ phấn.

**Câu 5:** Đơn phân của phân tử ADN là nuclêôtit gồm 4 loại là

**A.** A, U,X,G. **B.** A, T,G, X. **C.** A, T,U,X. **D.** A, T, G, U.

**Câu 6:** Đơn phân cấu tạo nên prôtêin là

**A.** axit amin. **B.** nuclêôtit. **C.** nuclêôxôm. **D.** ribônuclêôtit.

**Câu 7:** Hội chứng Đao là biểu hiện ở người mà trong tế bào sinh dưỡng

**A.** thiếu1 nhiễm sắc thể số 21. **B.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 21.

**C.** thiếu1 nhiễm sắc thể số 23. **D.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 23.

**Câu 8:** Nhiễm sắc thể ban đầu gồm các đoạnABCDEFGH biến đổi thành ABCBCDEFG. Đó là đột biến loại:

**A.** Chuyển đoạn nhiễm sắc thể. **B.** Đảo đoạn nhiễm sắc thể.

**C.** Mất đoạn nhiễm sắc thể. **D.** Lặp đoạn nhiễm sắc thể.

**Câu 9:** Đột biến mất đoạn NST thường:

**A.** làm chết hoặc làm giảm sức sống của cá thể. **B.** tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**C.** không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật. **D.** có thể chết khi còn là hợp tử.

**Câu 10:** Thể đột biến nào thường không tìm thấy ở động vật bậc cao ?

**A.** Thể dị bội 2n + 1. **B.** Thể dị bội 2n - 1.

**C.**Thể đột biến gen lặn. **D.** Thể đa bội.

**Câu 11:** Hiện tượng đóng xoắn của NST có ý nghĩa:

**A.** Thuận lợi cho việc sinh tổng hợp prôtêin của tế bào.

**B.** Dễ dàng nhân đôi ở kì trung gian.

**C.** Thuận lợi cho việc phân li của NST.

**D.** Tạo điều kiện cho AND nhân đôi.

**Câu 12:** Ở ruồi giấm, 2n= 8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của quá trình nguyên phân,

số NST trong tế bào đó là:

**A.** 4. **B.** 8. **C.** 16. **D.** 32.

**Câu 13:** Các loại đơn phân giống nhau giữa ARN với ADN là:

**A.** Ađênin, Guanin, Xitôzin. **B.** Guanin, Timin, Xitôzin.

**C.**Ađênin, Uraxin, Timin. **D.** Timin, Xitôzin, Urazin.

**Câu 14:** Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:

– A – T – G– G – X – X – T – T –A–X–

Trình tự của mạch đơn thứ 2 bổ sung với nó là:

**A.** – A– T – G–G – X– X– T– T –A–X– **B.** – T– A – X– X –G– G– A– A –T–G –

**C.** – X– G– T–T – A – A– G – G –X–A– **D.** – U– A – X–X – G– G– T – T–U–X–

**Câu 15:** Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép lai như sau: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm → F1: 75% đỏ thẫm : 25% màu lục. Kiểu gen của bố mẹ trong công thức lai trên như thế nào?

**A.** AA x AA. **B.** Aa x Aa. **C.** Aa x aa. **D.** AA x Aa.

**Câu 16:** Ở đậu Hà Lan, hạt vàng trội hoàn toàn so với hạt xanh. Cho giao phấn giữa cây hạt vàng thuần chủng với cây hạt xanh, kiểu hình ở cây F1 sẽ như thế nào?

**A.** 3 hạt vàng : 1 hạt xanh. **B.**1 hạt vàng : 1 hạt xanh.

**C.** 1 hạt vàng : 3 hạt xanh. **D.** 100% hạt vàng.

**Câu 17:** 2 tế bào sinh dưỡng thực hiện nguyên phân liên tiếp 2 lần, tổng số tế bào con thu được là:

**A.** 4 **B.** 6 **C.** 8 **D.** 16

**Câu 18:** Một tế bào người đang thực hiện quá trình giảm phân. Số NST trong một tế bào ở kì sau của giảm phân I và trong một tế bào ở kì sau của giảm phân II lần lượt là

**A.** 92 và 46. **B.** 46 và 23. **C.** 23 và 46. **D.** 46 và 46.

**Câu 19:** Một gen có600 nuclêôtit. Gen nhân đôi 2 lần, số nuclêôtit môi trường cần cung cấp cho quá trình nhân đôi đó là

**A.** 600 **B.** 1200 **C.** 1800 **D.** 2400

**Câu 20:** Chất cônsixin thường được dùng để gây đột biến thể đa bội ở thực vật, do nó có khả năng

**A.** tăng cường quá trình sinh tổng hợp chất hữu cơ.

**B.** cản trở sự hình thành thoi vô sắc làm cho bộ nhiễm sắc thể không phân li.

**C.** làm cho kích thước cơ quan sinh dưỡng phát triển.

**D.** tăng cường sự trao đổi chất ở tế bào.

**II. Tự luận: 5 điểm**

**Câu 1: (2 điểm)** Trình bày diễn biến cơ bản của NST ở các kì của nguyên phân.

**Câu 2: (1,5 điểm)** Phân biệt đột biến gen với đột biến NST.

**Câu 3: (1,5 điểm)** Một gen có chiều dài 5100 Ao và có 20% nuclêôtit loại T (Timin).

Xác định:

a. Số nuclêôtit của gen.

b.Số lượng nuclêôtit mỗi loại của gen nói trên.

***-------------------------------***

***Chúc các con làm bài thật tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANHNăm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 01** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5 điểm)**

***Mỗi câu đúng được 0.25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | C | 5 | B | 9 | A | 13 | A | 17 | C |
| 2 | C | 6 | A | 10 | D | 14 | B | 18 | D |
| 3 | A | 7 | B | 11 | C | 15 | B | 19 | C |
| 4 | B | 8 | D | 12 | C | 16 | D | 20 | B |

**B. TỰ LUẬN: (5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | | | **Điểm** | |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | | Diễn biễn cơ bản của NST ở các kì của nguyên phân:   |  |  | | --- | --- | | Kì đầu | - NST kép bắt đầu đóng xoắn và co ngắn nên có hình thái rõ rệt.  - Các NST kép đính vào các sợi tơ của thoi phân bào ở tâm động. | | Kì giữa | - Các NST kép đóng xoắn cực đại, xếp thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào | | Kì sau | Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực của TB | | Kì cuối | Các NST đơn dãn xoắn dài ra, ở dạng sợi mảnh | | | | **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** | |
| **Câu 2**  **(1,5điểm)** | | |  |  | | --- | --- | | **Đột biến gen** | **Đột biến NST** | | - Là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan tới một hay một số cặp nuclêôtit | - Là những biến đổi về cấu trúc hoặc số lượng NST trong bộ NST của tế bào. | | - Có những dạng: mất cặp nuclêôtit, thêm cặp nuclêôtit, thay thế cặp nuclêôtit này bằng cặp nuclêôtit khác. | - Có các dạng: đột biến cấu trúc NST (mất đoạn, lặp đoạn, đảo đoạn) và đột biến số lượng NST ( thể dị bội, thể đa bội ). | | | | **0,5 điểm**  **1 điểm** | |
| **Câu 3**  **(1,5điểm)** | | a, Tổng số nuclêôtit của gen  N= 5100/3,4 x 2 = 3000( Nu)  b. Theo đề bài ta có : A= T = 3000 x 20% = 600 (Nu)  Suy ra G = X = N/2 -600 = 3000/2 - 600 = 900 (Nu)  *(HS làm cách khác đúng vẫn được điểm)* | | | **0,5điểm**  **0,5điểm**  **0,5 điểm** | |
|  | |  |  | |
| **BAN GIÁM HIỆU**  **Đỗ Thị Thu Hoài** | | **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Nguyệt** | **NHÓM CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Quý** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANHNăm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 02** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút  *Ngày thi: 11/12/2018* |

**I. Trắc nghiệm: 5 điểm**

***Tô vào phiếu trả lời của em chữ cái đúng nhất***

**Câu 1:** Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của Menđen cho tỉ lệ kiểu hình ở F2là

**A.** 1 trội : 1 lặn. **B.**2trội : 1 lặn. **C.** 3 trội : 1 lặn. **D.** 4trội : 1 lặn.

**Câu 2:** Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng…(1)…. cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng…(2)…. để kiểm tra…(3)……. của cơ thể mang tính trạng…(4)………

**A.** (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu hình; (4) lặn. **B.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu hình; (4) trội. **C.**(1) lặn; (2) trội; (3) kiểu gen; (4) lặn. **D.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu gen; (4) trội.

**Câu 3:** Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là:

**A.** Tính trạng. **B.** Nhân tố di truyền. **C.**Kiểu gen. **D.** Giống.

**Câu 4:** Phương pháp nghiên cứu của Menđen được gọi là

**A.** phương pháp lai phân tích.

**B.**phương pháp tự thụ phấn.

**C.** phương pháp phân tích các thế hệ lai.

**D.** phương pháp tạp giao các cây đậu Hà Lan.

**Câu 5:** Nhiễm sắc thể ban đầu gồm các đoạnABCDEFGH biến đổi thành ABCBCDEFG. Đó là đột biến loại:

**A.** Chuyển đoạn nhiễm sắc thể. **B.** Lặp đoạn nhiễm sắc thể.

**C.** Mất đoạn nhiễm sắc thể. **D.** Đảo đoạn nhiễm sắc thể.

**Câu 6:** Đơn phân cấu tạo nên prôtêin là

**A.** axit amin. **B.** nuclêôtit. **C.** nuclêôxôm. **D.** ribônuclêôtit.

**Câu 7:** Hội chứng Đao là biểu hiện ở người mà trong tế bào sinh dưỡng

**A.** thiếu 1 nhiễm sắc thể số 21. **B.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 21.

**C.** thiếu 1 nhiễm sắc thể số 23. **D.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 23.

**Câu 8:**Đơn phân của phân tử ADN là nuclêôtit gồm 4 loại là

**A.** A, U,X,G. **B.**A, T, G, U. **C.** A, T,U,X. **D.** A, T,G, X.

**Câu 9:** Hiện tượng đóng xoắn của NST có ý nghĩa:

**A.** Thuận lợi cho việc sinh tổng hợp prôtêin của tế bào.

**B.** Dễ dàng nhân đôi ở kì trung gian.

**C.** Thuận lợi cho việc phân li của NST.

**D.** Tạo điều kiện cho AND nhân đôi.

**Câu 10:** Thể đột biến nào thường không tìm thấy ở động vật bậc cao ?

**A.** Thể dị bội 2n + 1. **B.** Thể dị bội 2n - 1.

**C.**Thể đa bội. **D.** Thể đột biến gen lặn.

**Câu 11:** Đột biến mất đoạn NST thường:

**A.** làm chết hoặc làm giảm sức sống của cá thể. **B.** tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**C.** không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật. **D.** có thể chết khi còn là hợp tử.

**Câu 12:** Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:

– A – T – G– G – X – X – T – T –A–X–

Trình tự của mạch đơn thứ 2 bổ sung với nó là:

**A.** – A– T – G– G – X– X– T– T – A–X – **B.** – U– A – X– X – G – G– T – T– U– X–

**C.** – X– G– T – T – A – A– G – G – X– A– **D.** – T– A – X– X – G– G – A– A – T– G –

**Câu 13:** Các loại đơn phân giống nhau giữa ARN với ADN là:

**A.** Ađênin, Uraxin, Timin. **B.** Guanin, Timin, Xitôzin.

**C.** Ađênin, Guanin, Xitôzin. **D.** Timin, Xitôzin, Urazin.

**Câu 14:**Ở ruồi giấm, 2n= 8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của quá trình nguyên phân,

số NST trong tế bào đó là:

**A.** 32. **B.** 16. **C.** 8. **D.** 4.

**Câu 15:** Một tế bào người đang thực hiện quá trình giảm phân. Số NST trong một tế bào ở kì sau của giảm phân I và trong một tế bào ở kì sau của giảm phân II lần lượt là

**A.** 92 và 46. **B.** 46 và 23. **C.** 23 và 46. **D.** 46 và 46.

**Câu 16:** Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép lai như sau: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm → F1: 75% đỏ thẫm : 25% màu lục. Kiểu gen của bố mẹ trong công thức lai trên như thế nào?

**A.** AA x AA. **B.** Aa x Aa. **C.** Aa x aa. **D.** AA x Aa.

**Câu 17:** Ở đậu Hà Lan, hạt vàng trội hoàn toàn so với hạt xanh. Cho giao phấn giữa cây hạt vàng thuần chủng với cây hạt xanh, kiểu hình ở cây F1 sẽ như thế nào?

**A.** 100% hạt vàng. **B.**1 hạt vàng : 1 hạt xanh.

**C.** 1 hạt vàng : 3 hạt xanh. **D.** 3 hạt vàng : 1 hạt xanh.

**Câu 18:** 2 tế bào sinh dưỡng thực hiện nguyên phân liên tiếp 2 lần, tổng số tế bào con thu được là:

**A.** 4 **B.** 6 **C.** 8 **D.** 16

**Câu 19:** Chất cônsixin thường được dùng để gây đột biến thể đa bội ở thực vật, do nó có khả năng

**A.** tăng cường quá trình sinh tổng hợp chất hữu cơ.

**B.** cản trở sự hình thành thoi vô sắc làm cho bộ nhiễm sắc thể không phân li.

**C.** làm cho kích thước cơ quan sinh dưỡng phát triển.

**D.** tăng cường sự trao đổi chất ở tế bào.

**Câu 20:** Một gen có600 nuclêôtit. Gen nhân đôi 2 lần, số nuclêôtit môi trường cần cung cấp cho quá trình nhân đôi đó là

**A.** 600 **B.** 1200 **C.** 1800 **D.** 2400

**II. Tự luận: 5 điểm**

**Câu 1: (2 điểm)** Trình bày diễn biến cơ bản của NST ở các kì của lần phân bào I.

**Câu 2: (1,5 điểm)** Phân biệt thường biến và đột biến.

**Câu 3: (1,5 điểm)** Một gen có chiều dài 4080 Ao và có 20% nuclêôtit loại A (Ađênin).

Xác định:

a. Số nuclêôtit của gen.

b.Số lượng nuclêôtit mỗi loại của gen nói trên.

***-------------------------------***

***Chúc các con làm bài thật tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 02** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5 điểm)**

***Mỗi câu đúng được 0.25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | C | 5 | B | 9 | C | 13 | C | 17 | A |
| 2 | D | 6 | A | 10 | C | 14 | B | 18 | C |
| 3 | A | 7 | B | 11 | A | 15 | D | 19 | B |
| 4 | C | 8 | D | 12 | D | 16 | B | 20 | C |

**B. TỰ LUẬN: (5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | | | **Điểm** | |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | | Diễn biễn cơ bản của NST ở các kì của lần phân bào I:   |  |  | | --- | --- | | Kì đầu | - Các NST kép xoắn, co ngắn  - Các NST kép trong cặp tương đồng tiếp hợp theo chiều dọc và có thể bắt chéo với nhau, sau đó lại tách rời nhau | | Kì giữa | - Các cặp NST kép t­ương đồng tập trung và xếp song song thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào | | Kìsau | - Các cặp NST kép tư­ơng đồng phân li độc lập với nhau về 2 cực của tế bào | | Kì cuối | - Các NST kép nằm gọn trong 2 nhân mới đư­ợc tạo thành với số lư­ợng là bộ đơn bội (kép) | | | | **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** | |
| **Câu 2**  **(1,5điểm)** | | |  |  | | --- | --- | | **Thường biến** | **Đột biến** | | - Là những biến đổi kiểu hình, không biến đổi kiểu gen nên không di truyền được. | - Là những biến đổi trong vật chất di truyền (NST, ADN) nên di truyền được. | | - Phát sinh đồng loạt theo cùng 1 hướng, tương ứng với điều kiện môi trường, có ý nghĩa thích nghi nên có lợi cho bản thân sinh vật. | - Xuất hiện với tần số thấp, ngẫu nhiên, cá biệt, thường có hại cho bản thân sinh vật. | | | | **0,5 điểm**  **1 điểm** | |
| **Câu 3**  **(1,5điểm)** | | a, Tổng số nuclêôtit của gen  N= 4080/3,4 x 2 = 2400( Nu)  b. Theo đề bài ta có : A= T = 2400 x 20% = 480 (Nu)  Suy ra G = X = N/2 -480 = 2400/2 - 480= 720 (Nu)  *(HS làm cách khác đúng vẫn được điểm)* | | | **0,5 điểm**  **0,5điểm**  **0,5 điểm** | |
| **BAN GIÁM HIỆU**  **Đỗ Thị Thu Hoài** | | **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Nguyệt** | **NHÓM CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Quý** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANHNăm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 03** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút  *Ngày thi: 11/12/2018* |

**I. Trắc nghiệm: 5 điểm**

***Tô vào phiếu trả lời của em chữ cái đúng nhất***

**Câu 1:** Nhiễm sắc thể ban đầu gồm các đoạnABCDEFGH biến đổi thành ABCBCDEFG. Đó là đột biến loại:

**A.** Lặp đoạn nhiễm sắc thể. **B.** Đảo đoạn nhiễm sắc thể.

**C.** Mất đoạn nhiễm sắc thể. **D.** Chuyển đoạn nhiễm sắc thể.

**Câu 2:** Đơn phân của phân tử ADN là nuclêôtit gồm 4 loại là

**A.** A, U,X,G. **B.**A, T,U,X. **C.** A, T,G, X. **D.** A, T, G, U.

**Câu 3:** Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của Menđen cho tỉ lệ kiểu hình ở F2là

**A.** 4trội : 1 lặn. **B.**3 trội : 1 lặn. **C.** 2trội : 1 lặn. **D.** 1trội : 1 lặn.

**Câu 4:** Hội chứng Đao là biểu hiện ở người mà trong tế bào sinh dưỡng

**A.** thiếu 1 nhiễm sắc thể số 21. **B.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 21.

**C.** thiếu 1 nhiễm sắc thể số 23. **D.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 23.

**Câu 5:** Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng…(1)…. cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng…(2)…. để kiểm tra…(3)……. của cơ thể mang tính trạng…(4)………

**A.** (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu hình; (4) lặn. **B.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu hình; (4) trội. **C.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu gen; (4) trội. **D.** (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu gen; (4) lặn.

**Câu 6:** Đơn phân cấu tạo nên prôtêin là

**A.**nuclêôxôm. **B.** nuclêôtit. **C.** axit amin. **D.** ribônuclêôtit.

**Câu 7:** Phương pháp nghiên cứu của Menđen được gọi là

**A.** phương pháp lai phân tích.

**B.** phương pháp tự thụ phấn.

**C.** phương pháp tạp giao các cây đậu Hà Lan.

**D.** phương pháp phân tích các thế hệ lai.

**Câu 8:** Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là:

**A.** Kiểu gen **B.** Nhân tố di truyền **C.**Giống **D.** Tính trạng

**Câu 9:** Đột biến mất đoạn NST thường:

**A.** làm chết hoặc làm giảm sức sống của cá thể. **B.** tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**C.** không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật. **D.** có thể chết khi còn là hợp tử.

**Câu 10:** Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:

– A – T – G– G – X – X – T – T –A–X–

Trình tự của mạch đơn thứ 2 bổ sung với nó là:

**A.** – A– T – G– G – X– X– T– T – A–X – **B.** – T– A – X– X – G– G – A– A – T– G –

**C.** – X– G– T – T – A – A– G – G – X– A– **D.** – U– A – X– X – G – G– T – T– U– X–

**Câu 11:** Hiện tượng đóng xoắn của NST có ý nghĩa:

**A.** Thuận lợi cho việc sinh tổng hợp prôtêin của tế bào.

**B.** Dễ dàng nhân đôi ở kì trung gian.

**C.** Thuận lợi cho việc phân li của NST.

**D.** Tạo điều kiện cho AND nhân đôi.

**Câu 12:** Các loại đơn phân giống nhau giữa ARN với ADN là:

**A.**Ađênin, Guanin, Xitôzin. **B.** Guanin, Timin, Xitôzin.

**C.**Ađênin, Uraxin, Timin. **D.** Timin, Xitôzin, Urazin.

**Câu 13:** Ở ruồi giấm, 2n= 8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của quá trình nguyên phân,

số NST trong tế bào đó là:

**A.** 4. **B.** 8. **C.** 16. **D.** 32.

**Câu 14:** Thể đột biến nào thường không tìm thấy ở động vật bậc cao ?

**A.** Thể dị bội 2n + 1. **B.** Thể dị bội 2n - 1.

**C.**Thể đột biến gen lặn. **D.** Thể đa bội.

**Câu 15:** 2 tế bào sinh dưỡng thực hiện nguyên phân liên tiếp 2 lần, tổng số tế bào con thu được là:

**A.** 4 **B.** 6 **C.** 8 **D.** 16

**Câu 16:** Ở đậu Hà Lan, hạt vàng trội hoàn toàn so với hạt xanh. Cho giao phấn giữa cây hạt vàng thuần chủng với cây hạt xanh, kiểu hình ở cây F1 sẽ như thế nào?

**A.** 3 hạt vàng : 1 hạt xanh. **B.**1 hạt vàng : 1 hạt xanh.

**C.** 1 hạt vàng : 3 hạt xanh. **D.** 100% hạt vàng.

**Câu 17:** Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép lai như sau: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm → F1: 75% đỏ thẫm : 25% màu lục. Kiểu gen của bố mẹ trong công thức lai trên như thế nào?

**A.** AA x AA. **B.** Aa x Aa. **C.** Aa x aa. **D.** AA x Aa.

**Câu 18:** Một tế bào người đang thực hiện quá trình giảm phân. Số NST trong một tế bào ở kì sau của giảm phân I và trong một tế bào ở kì sau của giảm phân II lần lượt là

**A.** 92 và 46. **B.** 46 và 23. **C.** 23 và 46. **D.** 46 và 46.

**Câu 19:** Một gen có600 nuclêôtit. Gen nhân đôi 2 lần, số nuclêôtit môi trường cần cung cấp cho quá trình nhân đôi đó là

**A.** 2400 **B.** 1800 **C.**1200 **D.** 600

**Câu 20:** Chất cônsixin thường được dùng để gây đột biến thể đa bội ở thực vật, do nó có khả năng

**A.**cản trở sự hình thành thoi vô sắc làm cho bộ nhiễm sắc thể không phân li.

**B.** tăng cường quá trình sinh tổng hợp chất hữu cơ.

**C.** làm cho kích thước cơ quan sinh dưỡng phát triển.

**D.** tăng cường sự trao đổi chất ở tế bào.

**II. Tự luận: 5 điểm**

**Câu 1: (2 điểm)** Trình bày diễn biến cơ bản của NST ở các kì của nguyên phân.

**Câu 2: (1,5 điểm)** Phân biệt thường biến và đột biến.

**Câu 3: (1,5 điểm)** Một gen có chiều dài 5100 Ao và có 30% nuclêôtit loại X (Xitôzin).

Xác định:

a. Số nuclêôtit của gen.

b.Số lượng nuclêôtit mỗi loại của gen nói trên.

***-------------------------------***

***Chúc các con làm bài thật tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANHNăm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 03** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5 điểm)**

***Mỗi câu đúng được 0.25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | A | 5 | C | 9 | A | 13 | C | 17 | B |
| 2 | C | 6 | C | 10 | B | 14 | D | 18 | D |
| 3 | B | 7 | D | 11 | C | 15 | C | 19 | B |
| 4 | B | 8 | D | 12 | A | 16 | D | 20 | A |

**B. TỰ LUẬN: (5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | | | **Điểm** | |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | | Diễn biễn cơ bản của NST ở các kì của nguyên phân:   |  |  | | --- | --- | | Kì đầu | - NST kép bắt đầu đóng xoắn và co ngắn nên có hình thái rõ rệt.  - Các NST kép đính vào các sợi tơ của thoi phân bào ở tâm động. | | Kì giữa | - Các NST kép đóng xoắn cực đại, xếp thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào | | Kì sau | Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực của TB | | Kì cuối | Các NST đơn dãn xoắn dài ra, ở dạng sợi mảnh | | | | **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** | |
| **Câu 2**  **(1,5điểm)** | | |  |  | | --- | --- | | **Thường biến** | **Đột biến** | | - Là những biến đổi kiểu hình, không biến đổi kiểu gen nên không di truyền được. | - Là những biến đổi trong vật chất di truyền (NST, ADN) nên di truyền được. | | - Phát sinh đồng loạt theo cùng 1 hướng, tương ứng với điều kiện môi trường, có ý nghĩa thích nghi nên có lợi cho bản thân sinh vật. | - Xuất hiện với tần số thấp, ngẫu nhiên, cá biệt, thường có hại cho bản thân sinh vật. | | | | **0,5 điểm**  **1 điểm** | |
| **Câu 3**  **(1,5điểm)** | | a, Tổng số nuclêôtit của gen  N= 5100/3,4 x 2 = 3000( Nu)  b. Theo đề bài ta có : X= G = 3000 x 30% = 900 (Nu)  Suy ra A = T = N/2 -900 = 3000/2 - 900 = 600 (Nu)  *(HS làm cách khác đúng vẫn được điểm)* | | | **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** | |
| **BAN GIÁM HIỆU**  **Đỗ Thị Thu Hoài** | | **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Nguyệt** | **NHÓM CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Quý** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANHNăm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 04** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút  *Ngày thi: 11/12/2018* |

**I. Trắc nghiệm: 5 điểm**

***Tô vào phiếu trả lời của em chữ cái đúng nhất***

**Câu 1:** Phương pháp nghiên cứu của Menđen được gọi là

**A.** phương pháp lai phân tích.

**B.** phương pháp phân tích các thế hệ lai.

**C.** phương pháp tạp giao các cây đậu Hà Lan.

**D.** phương pháp tự thụ phấn.

**Câu 2:** Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng…(1)…. cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng…(2)…. để kiểm tra…(3)……. của cơ thể mang tính trạng…(4)………

**A.**(1) trội; (2) lặn; (3) kiểu gen; (4) trội. **B.** (1) trội; (2) lặn; (3) kiểu hình; (4) trội. **C.**(1) lặn; (2) trội; (3) kiểu hình; (4) lặn. **D.** (1) lặn; (2) trội; (3) kiểu gen; (4) lặn.

**Câu 3:** Hội chứng Đao là biểu hiện ở người mà trong tế bào sinh dưỡng

**A.** thiếu 1 nhiễm sắc thể số 21. **B.** thiếu 1 nhiễm sắc thể số 23.

**C.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 21. **D.** thừa 1 nhiễm sắc thể số 23.

**Câu 4:** Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là:

**A.** Kiểu gen **B.** Nhân tố di truyền **C.**Giống **D.** Tính trạng

**Câu 5:** Đơn phân của phân tử ADN là nuclêôtit gồm 4 loại là

**A.** A, U,X,G. **B.** A, T,G, X. **C.** A, T,U,X. **D.** A, T, G, U.

**Câu 6:** Đơn phân cấu tạo nên prôtêin là

**A.** axit amin. **B.** nuclêôtit. **C.** nuclêôxôm. **D.** ribônuclêôtit.

**Câu 7:** Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của Menđen cho tỉ lệ kiểu hình ở F2là

**A.** 1trội : 1 lặn. **B.** 2trội : 1 lặn. **C.** 3trội : 1 lặn. **D.** 4trội : 1 lặn.

**Câu 8:** Nhiễm sắc thể ban đầu gồm các đoạnABCDEFGH biến đổi thành ABCBCDEFG. Đó là đột biến loại:

**A.** Chuyển đoạn nhiễm sắc thể. **B.** Đảo đoạn nhiễm sắc thể.

**C.** Mất đoạn nhiễm sắc thể. **D.** Lặp đoạn nhiễm sắc thể.

**Câu 9:** Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:

– A – T – G– G – X – X – T – T –A–X–

Trình tự của mạch đơn thứ 2 bổ sung với nó là:

**A.**– T– A – X– X – G– G – A– A – T– G – **B.** – A– T – G– G – X– X– T– T – A–X –

**C.** – X– G– T – T – A – A– G – G – X– A– **D.** – U– A – X– X – G – G– T – T– U– X–

**Câu 10:** Thể đột biến nào thường không tìm thấy ở động vật bậc cao ?

**A.** Thể dị bội 2n + 1. **B.** Thể dị bội 2n - 1.

**C.**Thể đa bội. **D.** Thể đột biến gen lặn.

**Câu 11:** Các loại đơn phân giống nhau giữa ARN với ADN là:

**A.** Ađênin, Uraxin, Timin. **B.** Ađênin, Guanin, Xitôzin.

**C.**Guanin, Timin, Xitôzin. **D.** Timin, Xitôzin, Urazin.

**Câu 12:** Ở ruồi giấm, 2n= 8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của quá trình nguyên phân,

số NST trong tế bào đó là:

**A.** 4. **B.** 8. **C.** 16. **D.** 32.

**Câu 13:** Hiện tượng đóng xoắn của NST có ý nghĩa:

**A.** Thuận lợi cho việc sinh tổng hợp prôtêin của tế bào.

**B.** Dễ dàng nhân đôi ở kì trung gian.

**C.** Thuận lợi cho việc phân li của NST.

**D.** Tạo điều kiện cho AND nhân đôi.

**Câu 14:** Đột biến mất đoạn NST thường:

**A.** làm chết hoặc làm giảm sức sống của cá thể. **B.** tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**C.** không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật. **D.** có thể chết khi còn là hợp tử.

**Câu 15:** Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép lai như sau: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm → F1: 75% đỏ thẫm : 25% màu lục. Kiểu gen của bố mẹ trong công thức lai trên như thế nào?

**A.** AA x AA. **B.** Aa x Aa. **C.** Aa x aa. **D.** AA x Aa.

**Câu 16:** Ở đậu Hà Lan, hạt vàng trội hoàn toàn so với hạt xanh. Cho giao phấn giữa cây hạt vàng thuần chủng với cây hạt xanh, kiểu hình ở cây F1 sẽ như thế nào?

**A.** 3 hạt vàng : 1 hạt xanh. **B.**1 hạt vàng : 1 hạt xanh.

**C.** 100% hạt vàng. **D.** 1 hạt vàng : 3 hạt xanh.

**Câu 17:** 2 tế bào sinh dưỡng thực hiện nguyên phân liên tiếp 2 lần, tổng số tế bào con thu được là:

**A.** 16 **B.** 8 **C.** 6 **D.** 4

**Câu 18:** Một tế bào người đang thực hiện quá trình giảm phân. Số NST trong một tế bào ở kì sau của giảm phân I và trong một tế bào ở kì sau của giảm phân II lần lượt là

**A.** 92 và 46. **B.** 46 và 23. **C.** 23 và 46. **D.** 46 và 46.

**Câu 19:** Một gen có600 nuclêôtit. Gen nhân đôi 2 lần, số nuclêôtit môi trường cần cung cấp cho quá trình nhân đôi đó là

**A.** 600 **B.** 1200 **C.** 1800 **D.** 2400

**Câu 20:** Chất cônsixin thường được dùng để gây đột biến thể đa bội ở thực vật, do nó có khả năng

**A.** tăng cường quá trình sinh tổng hợp chất hữu cơ.

**B.** cản trở sự hình thành thoi vô sắc làm cho bộ nhiễm sắc thể không phân li.

**C.** làm cho kích thước cơ quan sinh dưỡng phát triển.

**D.** tăng cường sự trao đổi chất ở tế bào.

**II. Tự luận: 5 điểm**

**Câu 1: (2 điểm)** Trình bày diễn biến cơ bản của NST ở các kì của lần phân bào I.

**Câu 2: (1,5 điểm)** Phân biệt đột biến gen với đột biến NST.

**Câu 3: (1,5 điểm)** Một gen có chiều dài 4080 Ao và có 30% nuclêôtit loại G (guanin).

Xác định:

a. Số nuclêôtit của gen.

b.Số lượng nuclêôtit mỗi loại của gen nói trên.

***-------------------------------***

***Chúc các con làm bài thật tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **MÃ ĐỀ: 04** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: SINH HỌC 9**  Thời gian: 45 phút |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5 điểm)**

***Mỗi câu đúng được 0.25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | B | 5 | B | 9 | A | 13 | D | 17 | B |
| 2 | A | 6 | A | 10 | C | 14 | A | 18 | D |
| 3 | C | 7 | C | 11 | B | 15 | B | 19 | C |
| 4 | D | 8 | D | 12 | C | 16 | C | 20 | B |

**B. TỰ LUẬN: (5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | | | **Điểm** | |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | | Diễn biễn cơ bản của NST ở các kì của lần phân bào I:   |  |  | | --- | --- | | Kì đầu | - Các NST kép xoắn, co ngắn  - Các NST kép trong cặp tương đồng tiếp hợp theo chiều dọc và có thể bắt chéo với nhau, sau đó lại tách rời nhau | | Kì giữa | - Các cặp NST kép t­ương đồng tập trung và xếp song song thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào | | Kìsau | - Các cặp NST kép tư­ơng đồng phân li độc lập với nhau về 2 cực của tế bào | | Kì cuối | - Các NST kép nằm gọn trong 2 nhân mới đư­ợc tạo thành với số lư­ợng là bộ đơn bội (kép) | | | | **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** | |
| **Câu 2**  **(1,5điểm)** | | |  |  | | --- | --- | | **Đột biến gen** | **Đột biến NST** | | - Là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan tới một hay một số cặp nuclêôtit | - Là những biến đổi về cấu trúc hoặc số lượng NST trong bộ NST của tế bào. | | - Có những dạng: mất cặp nuclêôtit, thêm cặp nuclêôtit, thay thế cặp nuclêôtit này bằng cặp nuclêôtit khác. | - Có các dạng: đột biến cấu trúc NST (mất đoạn, lặp đoạn, đảo đoạn) và đột biến số lượng NST ( thể dị bội, thể đa bội ). | | | | **0,5 điểm**  **1 điểm** | |
| **Câu 3**  **(1,5điểm)** | | a, Tổng số nuclêôtit của gen  N= 4080/3,4 x 2 = 2400( Nu)  b. Theo đề bài ta có : G = X = 2400 x 30% = 720 (Nu)  Suy ra A = T = N/2 - 720 = 2400/2 - 720= 480 (Nu)  *(HS làm cách khác đúng vẫn được điểm)* | | | **0,5điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** | |
|  | |  |  | |
| **BAN GIÁM HIỆU**  **Đỗ Thị Thu Hoài** | | **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Nguyệt** | **NHÓM CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Quý** | |